

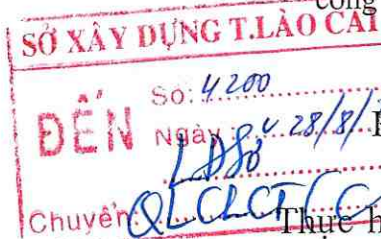
**BỘ XÂY DỰNG
CỤC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 579 /GD-VP

V/v: báo cáo Dự thảo các Thông tư
hướng dẫn Nghị định 46/2015/NĐ-CP của
Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì
công trình xây dựng

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015



Kính gửi:

Sở Xây dựng Lào Cai
Các phòng, các DV (S/H)

Thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 của Bộ Xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (Cục Giám định) được Bộ giao chủ trì soạn thảo Thông tư Hướng dẫn hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng. Đến nay, dự thảo Thông tư đã cơ bản hoàn thành.

Cục Giám định đề nghị Quý cơ quan góp ý cho dự thảo Thông tư được gửi kèm theo Công văn này.

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Cục Giám định - Bộ Xây dựng, 37 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội trước ngày 4/9/2015

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Trịnh Đình Dũng (để b/c);
- TT Lê Quang Hùng (để b/c);
- Lưu: VT.



Phạm Minh Hà

Số: /2015/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Dự thảo 24/8/2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hoạt động giám sát thi công, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động giám sát thi công, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn chi tiết về hoạt động giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

1. Tuân thủ theo chỉ dẫn kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo tính trung thực, khách quan trong quá trình giám sát thi công, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng. Tổ chức kiểm định xây dựng không được tham gia khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, cung ứng vật tư - thiết bị lắp đặt vào công trình, quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng công trình mình thực hiện kiểm định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, các bên có liên quan về kết quả giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng.

4. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và theo thoả thuận trong hợp đồng với các bên có liên quan trong trường hợp kết quả giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng không đúng thực trạng.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực của tổ chức phù hợp theo quy định của Nghị định 59/2015/NĐ-CP; các tổ chức, cá nhân khi thực hiện quan trắc công trình xây dựng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này.

Chương II

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

Điều 3. Yêu cầu đối với tổ chức giám sát thi công xây dựng

1. Lập và trình chủ đầu tư chấp thuận hệ thống quản lý chất lượng theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Bố trí ít nhất 01 tư vấn giám sát trưởng và 01 văn phòng hiện trường. Mỗi văn phòng hiện trường phải có tối thiểu 01 giám sát viên và một số nhân viên văn phòng.

3. Tư vấn giám sát trưởng phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với loại và cấp công trình tham gia giám sát thi công xây dựng. Trường hợp công trình xây dựng có nhiều loại công trình khác nhau thì chứng chỉ hành nghề của tư vấn giám sát trưởng phải phù hợp với ít nhất một trong các loại công trình mà nhà thầu tham gia giám sát.

4. Giám sát viên phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với công việc xây dựng theo kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng đã được chủ đầu tư chấp thuận. Trường hợp, nhà thầu tư vấn giám sát sử dụng giám sát viên có hạng năng lực thấp hơn để thực hiện giám sát một số phần việc theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP thì trách nhiệm và phạm vi hoạt động

của các cá nhân nêu trên phải được thể hiện rõ trong hệ thống quản lý chất lượng và phải được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Lập sổ tay về quản lý chất lượng, khối lượng và an toàn môi trường trong đó nêu rõ đề cương, trình tự giám sát thi công, nghiệm thu từng công tác xây dựng và các biểu mẫu kiểm tra nội bộ, nghiệm thu theo quy định.

6. Thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 26 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và các quy định khác của hợp đồng thi công xây dựng.

7. Báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng về hoạt động tổ chức tư vấn giám sát và tình hình chất lượng các công trình do mình giám sát khi được yêu cầu.

Điều 4. Mô hình tổ chức giám sát thi công xây dựng

1. Trường hợp chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện giám sát thi công xây dựng,
a) Chủ đầu tư phải thành lập bộ phận giám sát thi công xây dựng đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 5 Thông tư này để thực hiện các nội dung giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Điều 26 Nghị định 46/2015/NĐ-CP;

b) Riêng đối với công trình xây dựng cấp IV, Chủ đầu tư được quyền sử dụng ít nhất 01 người thuộc tổ chức hoặc thuê 01 cá nhân có chứng chỉ hành nghề phù hợp với loại công trình để thực hiện giám sát;

c) Các cá nhân tham gia giám sát thi công xây dựng chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về những trách nhiệm được giao.

2. Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu giám sát thi công xây dựng thực hiện:

a) Chủ đầu tư được quyền giao nhà thầu này thực hiện một hoặc một số nội dung giám sát thi công xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định 46/2015/NĐ-CP trừ các nội dung quy định tại Điểm a, Điểm n Khoản 1 Điều 26 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và nội dung liên quan đến nghiệm thu giai đoạn, bộ phận, hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát việc thực hiện hợp đồng xây dựng, xử lý các vấn đề liên quan giữa nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với các nhà thầu khác và với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện thi công xây dựng công trình.

c) Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về những trách nhiệm được giao.

Điều 5. Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu giám sát thi công xây dựng

Nội dung hệ thống quản lý chất lượng thực hiện giám sát thi công xây dựng bao gồm:

1. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức giám sát thi công xây dựng;

2. Sơ đồ tổ chức bộ máy thực hiện giám sát thi công xây dựng.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn giám sát trưởng, giám sát viên và các cá nhân khác; nêu rõ hạng chứng chỉ hành nghề của giám sát viên đối với từng lĩnh vực giám sát; mối quan hệ giữa văn phòng giám sát chính và văn phòng hiện trường (nếu có);

4. Giải pháp giám sát và quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, bao gồm:

a) Đề cương kiểm soát và đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình.

b) Đề cương kiểm soát và đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường các công tác thi công xây dựng.

c) Đề cương kiểm soát khối lượng xây dựng;

d) Công tác giám sát kiểm tra nội bộ hoạt động của các văn phòng giám sát.

đ) Kế hoạch kiểm tra, thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế.

5. Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ; lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) tình hình thực hiện dự án gửi chủ đầu tư; phát hành và xử lý các văn bản thông báo ý kiến của nhà thầu thi công xây dựng, kiến nghị và khiếu nại với chủ đầu tư và với các bên có liên quan; quy trình tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền theo quy định hiện hành; quy trình tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu thiết kế xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng công trình xử lý theo các kết quả kiểm tra, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của tư vấn giám sát trưởng

1. Trách nhiệm

a) Tổ chức quản lý công tác giám sát thi công xây dựng tại công trường;

b) Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện giám sát thi công xây dựng của các văn phòng và giám sát viên theo hợp đồng giám sát thi công xây dựng đã ký.

c) Nghiệm thu công việc xây dựng đối với phần việc do mình trực tiếp thực hiện giám sát phù hợp với lĩnh vực chứng chỉ hành nghề;

d) Nghiệm thu giai đoạn xây dựng (nếu có), bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng;

đ) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình.

e) Cung cấp cho tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng tất cả tài liệu phân tích về đền bù, tranh chấp chất lượng; đề xuất ý kiến để trình chủ đầu tư quyết định;

g) Chịu trách nhiệm chính trước tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình và chủ đầu tư về quản lý điều hành các văn phòng giám sát tại hiện trường; thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

2. Quyền hạn

a) Ký ban hành văn bản yêu cầu nhà thầu báo cáo giải trình hoặc có biện pháp thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ và các yêu cầu khác theo quy định hợp đồng đã ký kết;

b) Từ chối nghiệm thu hoặc xác nhận hoàn thành xây dựng bộ phận công trình, giai đoạn thi công,... về chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường khi nhà thầu thi công vi phạm, không đáp ứng yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình;

c) Từ chối thực hiện các yêu cầu không đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận đã ký trong hợp đồng của chủ đầu tư và các bên liên quan;

d) Phủ quyết các ý kiến, kết quả giám sát của các giám sát viên khi không thực hiện đúng với các quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật.

đ) Phủ quyết các kiến nghị bất hợp lý của nhà thầu thi công xây dựng;

e) Tạm dừng thi công trong trường hợp phát hiện công trình có nguy cơ xảy ra mất an toàn hoặc nhà thầu thi công sai thiết kế và báo cáo tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng để thông báo kịp thời cho chủ đầu tư xử lý.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của giám sát viên

1. Trách nhiệm

a) Giám sát và trực tiếp kiểm tra theo dõi quá trình thi công của nhà thầu tại hiện trường về việc thực hiện đúng bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt và tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án, công trình;

b) Báo cáo ngay cho tư vấn giám sát trưởng và nhắc nhở nhà thầu thi công xây dựng về những sai khác hoặc có nguy cơ sai sót khi thi công so với thiết kế hoặc so với biện pháp thi công được duyệt;

c) Hướng dẫn, nhắc nhở, theo dõi và ghi lại các chi tiết có liên quan đến các hạng mục thi công của nhà thầu.

d) Thường xuyên kiểm tra công trình, ghi chép chi tiết tình hình triển khai; kịp thời báo cáo tư vấn giám sát trưởng;

đ) Trực tiếp nghiệm thu công việc xây dựng và xác nhận vào biên bản nghiệm thu công việc xây dựng theo quy định;

e) Chịu trách nhiệm trước tư vấn giám sát trưởng và pháp luật về những thiếu sót do mình gây ra.

2. Quyền hạn:

a) Từ chối nghiệm thu công việc xây dựng khi nhà thầu thi công vi phạm, không đáp ứng yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình;

b) Từ chối thực hiện các yêu cầu không đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận đã ký trong hợp đồng của chủ đầu tư và các bên liên quan;

c) Tạm dừng thi công trong trường hợp phát hiện công trình có nguy cơ xảy ra mất an toàn hoặc nhà thầu thi công sai thiết kế và thông báo kịp thời cho tư vấn giám sát trưởng để xử lý.

Điều 8. Giám sát chất lượng thi công xây dựng

1. Thực hiện các yêu cầu đối với tổ chức giám sát thi công xây dựng quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và giúp chủ đầu tư lập báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

3. Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi chủ đầu tư. Các nội dung chính cần báo cáo gồm: tình hình thực hiện dự án; tình hình hoạt động của nhà thầu giám sát thi công xây dựng (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng giám sát thi công xây dựng); các đề xuất, kiến nghị.

4. Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu thi công xây dựng xử lý theo các kết quả kiểm tra, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư.

Điều 9. Giám sát thực hiện tiến độ thi công xây dựng

1. Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt.

2. Kiểm tra, đơn đốc tiến độ thi công. Khi cần thiết, yêu cầu nhà thầu thi xây dựng điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Đề xuất các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công nhưng không làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý.

3. Đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng và các yếu tố khách quan khác, báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của dự án đối với trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài.

4. Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu thi công xây dựng về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực

tế thi công; yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

Điều 10. Giám sát khối lượng thi công xây dựng công trình

1. Kiểm tra xác nhận khối lượng đạt chất lượng đúng quy định do nhà thầu thi công xây dựng lập, trình, đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công.

2. Đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời lên chủ đầu tư về khối lượng phát sinh mới ngoài khối lượng trong hợp đồng, do các thay đổi so với thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư chấp thuận.

Điều 11. Giám sát công tác bảo đảm an toàn lao động trong thi công xây dựng

1. Kiểm tra hệ thống quản lý an toàn lao động, việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn lao động cho các cá nhân tham gia xây dựng công trình của các nhà thầu thi công xây dựng.

2. Kiểm tra biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn khi thi công xây dựng do nhà thầu thi công xây dựng lập trước khi trình chủ đầu tư phê duyệt.

3. Thường xuyên kiểm tra và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng đảm bảo an toàn lao động tại công trường, phải có biện pháp rào chắn, báo hiệu và bảo đảm an toàn cho người qua lại công trường.

4. Tạm dừng thi công và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng khắc phục khi phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định về an toàn lao động của nhà thầu; báo cáo với chủ đầu tư để quyết định đình chỉ thi công xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng với nhà thầu thi công xây dựng không chịu khắc phục.

5. Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục khi xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động, đồng thời báo cáo với các cơ quan chức năng về tình hình an toàn lao động của công trình theo quy định của pháp luật về lao động.

6. Đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường đối với trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

Điều 12. Giám sát công tác an toàn môi trường trong thi công xây dựng

1. Kiểm tra, giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trên công trường trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường.

2. Chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3. Đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường đối với trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra, tổ chức và các cá nhân tham gia công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành, ngoài ra còn bị xử lý theo một trong những hình thức sau đây:

1. Tổ chức tư vấn giám sát bị đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ và vi phạm hợp đồng đã ký với chủ đầu tư tùy theo mức độ sẽ không được tham gia đấu thầu hoặc chỉ định thầu thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng từ 06 tháng đến 01 năm.

2. Buộc phải thay thế người giám sát nếu không đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định; không được tham gia giám sát thi công xây dựng từ 06 tháng đến 01 năm, nếu bị phát hiện có lỗi vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ như vi phạm đạo đức của người giám sát thi công xây dựng, bỏ qua những sai sót của nhà thầu, lợi dụng quyền hạn để tư lợi và các vi phạm khác chưa đến mức thu hồi chứng chỉ.

3. Người giám sát thi công xây dựng bị thu hồi chứng chỉ nếu có sai phạm lớn như vi phạm đạo đức tư vấn, cố ý làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng và chất lượng thi công theo quy định của dự án và pháp luật.

4. Thu hồi chứng chỉ trong trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có các vi phạm gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của chủ đầu tư thì phải bồi thường thiệt hại và bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương III

KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Điều 14. Trình tự thực hiện kiểm định xây dựng

1. Các trường hợp kiểm định quy định tại Điểm c, đ Khoản 2 Điều 29 và Điểm đ Khoản 5 Điều 40 Nghị định số 46/NĐ-CP:

a) Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (sau đây gọi tắt là cơ quan nhà nước) chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định xây dựng;

b) Tổ chức kiểm định lập đề cương trình cơ quan nhà nước xem xét, có ý kiến. Trường hợp cần thiết cơ quan nhà nước yêu cầu Chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình ký hợp đồng với một đơn vị độc lập thực hiện thẩm tra đề cương;

c) Chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình phê duyệt đề cương kiểm định và ký hợp đồng với tổ chức kiểm định;

d) Tổ chức kiểm định thực hiện theo đúng đề cương được phê duyệt và lập báo cáo kết quả kiểm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư này gửi chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình;

đ) Chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình gửi báo cáo kết quả kiểm định cho cơ quan nhà nước;

e) Chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình tập hợp các tài liệu có liên quan thành hồ sơ kiểm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

2. Các trường hợp kiểm định còn lại theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP:

a) Tổ chức kiểm định lập đề cương kiểm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư này;

b) Tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định lựa chọn tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương kiểm định và ký hợp đồng với tổ chức kiểm định;

c) Tổ chức kiểm định thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được phê duyệt và lập báo cáo kết quả kiểm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư này gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định;

d) Tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định tập hợp các tài liệu có liên quan thành hồ sơ kiểm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

Điều 15. Đề cương kiểm định, báo cáo kết quả kiểm định, hồ sơ kiểm định

1. Đề cương kiểm định bao gồm các nội dung chính sau:

a) Đối tượng và nội dung kiểm định;

b) Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng;

c) Danh sách nhân sự thực hiện kiểm định, người được phân công chủ trì thực hiện kiểm định kèm theo các thông tin về năng lực thực hiện;

d) Phương pháp thực hiện kiểm định;

đ) Phòng thí nghiệm và danh mục các thiết bị được sử dụng (nếu có);

e) Chi phí, thời gian dự kiến hoàn thành thực hiện kiểm định;

f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm định.

2. Báo cáo kết quả kiểm định bao gồm các nội dung chính sau:

a) Căn cứ thực hiện kiểm định (các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kiểm định, hợp đồng kiểm định);

b) Thông tin chung về đối tượng kiểm định (quy mô, đặc điểm hiện trạng...) và các thông tin khác có liên quan (điều kiện tự nhiên, địa chất...);

- c) Nội dung kiểm định;
- d) Phương pháp thực hiện kiểm định;
- đ) Các kết quả thí nghiệm, phân tích, đánh giá;
- e) Kết luận về các nội dung theo yêu cầu kiểm định.

3. Hồ sơ kiểm định bao gồm:

- a) Hợp đồng kiểm định; đề cương kiểm định
- b) Biên bản giao, nhận hồ sơ tài liệu có liên quan đến công tác kiểm định, tài liệu phục vụ việc kiểm định;
- c) Nhật ký ghi nhận quá trình thực hiện kiểm định (nếu cần thiết), tài liệu liên quan đến việc huy động nhân lực, thiết bị phục vụ kiểm định;
- d) Báo cáo kết quả kiểm định;
- đ) Các tài liệu có liên quan khác.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp kết quả kiểm định

1. Tranh chấp về kết quả kiểm định xây dựng xảy ra khi có ý kiến đánh giá khác nhau về kết quả kiểm định giữa các chủ thể liên quan đến xây dựng, vận hành công trình và các bên có liên quan khác (sau đây gọi chung là các bên tranh chấp).

2. Việc giải quyết tranh chấp về kết quả kiểm định được tiến hành theo trình tự như sau:

- a) Các bên tranh chấp tổ chức phản biện với tổ chức kiểm định về các vấn đề kỹ thuật còn vướng mắc trong báo cáo kết quả kiểm định. Trường hợp cần thiết, có thể thuê tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu tham gia góp ý về các vấn đề kỹ thuật có liên quan làm cơ sở giải quyết tranh chấp;
- b) Trường hợp không đồng thuận về các nội dung trong báo cáo kết quả kiểm định, các bên có tranh chấp thống nhất lựa chọn tổ chức kiểm định có đủ năng lực theo quy định tiến hành kiểm định lại hoặc kiểm định những vấn đề kỹ thuật chưa thống nhất trong báo cáo kết quả kiểm định trước đó. Các bên tranh chấp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc kiểm định lại;
- c) Kết quả kiểm định lại của tổ chức kiểm định theo quy định tại Điểm b Khoản này là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp. Trường hợp các bên vẫn không thống nhất việc giải quyết tranh chấp thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng.

Điều 17. Chi phí kiểm định xây dựng

1. Chi phí kiểm định xây dựng được xác định bằng cách lập dự toán theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định khác phù hợp với khối lượng công việc của đề cương kiểm định xây dựng. Chi phí kiểm định xây dựng bao gồm một số hoặc toàn bộ các chi phí sau:

- a) Chi phí lập đề cương;

- b) Chi phí khảo sát hiện trạng công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình xây dựng (nếu có);
- c) Chi phí lấy mẫu thí nghiệm, chi phí thí nghiệm;
- d) Chi phí nghiên cứu hồ sơ tài liệu;
- đ) Chi phí tính toán, thẩm tra, chi phí đánh giá, lập báo cáo và kết luận;
- e) Chi phí vận chuyển, chi phí quản lý;
- g) Các chi phí cần thiết khác.

Chương IV

GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

Điều 18. Nội dung thực hiện giám định xây dựng

Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP tổ chức giám định xây dựng khi công trình có chất lượng không đảm bảo yêu cầu thiết kế, có nguy cơ mất an toàn chịu lực gồm các nội dung sau:

1. Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.
2. Kiểm tra, đánh giá, xác định nguyên nhân.
3. Xác định trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với các bên liên quan; kiến nghị hình thức xử phạt về chi phí, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự (nếu cần thiết).

Điều 19. Trình tự thực hiện giám định xây dựng

1. Cơ quan có thẩm quyền chỉ định tổ chức, cá nhân tư vấn thực hiện kiểm định, tư vấn xây dựng phục vụ giám định xây dựng.
2. Tổ chức, cá nhân tư vấn lập đề cương trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, có ý kiến. Trường hợp cần thiết cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình ký hợp đồng với một đơn vị độc lập thực hiện thẩm tra đề cương.
3. Chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình phê duyệt đề cương và ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân tư vấn.
4. Tổ chức, cá nhân tư vấn thực hiện theo đúng đề cương được chấp thuận. Chủ đầu tư doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tiến độ thực hiện giám định. Cơ quan có thẩm quyền có thể bố trí nhân sự phối hợp kiểm soát quá trình thực hiện.
5. Tổ chức, cá nhân tư vấn gửi báo cáo kết quả kiểm định, tư vấn xây dựng cho chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công

trình và cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến phản biện của các bên có liên quan.

6. Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm định, tư vấn xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả giám định cho chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình và các chủ thể khác có liên quan.

Điều 20. Thông báo kết quả giám định xây dựng

Thông báo kết quả giám định bao gồm các nội dung chính sau:

1. Căn cứ thực hiện giám định.

1. Thông tin chung về công trình (tên; địa điểm xây dựng; quy mô công trình gồm: loại, cấp công trình và các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình; các chủ thể tham gia xây dựng công trình).

3. Mô tả về đối tượng giám định.

4. Tổ chức thực hiện.

5. Kết quả giám định.

6. Xác định trách nhiệm của các bên có liên quan và dự kiến hình thức xử lý.

7. Yêu cầu các bên có liên quan phải thực hiện.

Điều 21. Chi phí thực hiện giám định

1. Chi phí thuê cá nhân tư vấn:

a) Chi phí cho cán bộ, công chức, hợp đồng lao động trong cơ quan nhà nước theo hướng dẫn về chế độ công tác phí của Bộ Tài chính gồm chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí ở và chi phí khác phục vụ cho việc giám định xây dựng;

b) Chi phí cho chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật bao gồm chi phí đi lại, chi phí ở và công chuyên gia.

2. Chi phí thuê tổ chức tư vấn theo đề cương được phê duyệt.

3. Nguồn chi phí giám định xây dựng:

a) Giám định trong quá trình thi công xây dựng công trình:

Chủ đầu tư có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định xây dựng. Sau khi có kết quả giám định, trên cơ sở phân định trách nhiệm của các bên có liên quan, cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chi trả chi phí thực hiện giám định. Trường hợp công trình có chất lượng không đảm bảo yêu cầu thiết kế, có nguy cơ mất an toàn chịu lực do nguyên nhân bất khả kháng thì trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định thực hiện theo quy định của hợp đồng xây dựng có liên quan;

b) Giám định trong quá trình khai thác, sử dụng công trình:

Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định xây dựng. Sau khi có kết quả giám định, trên cơ sở phân

định trách nhiệm của các bên có liên quan, cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chi trả chi phí thực hiện giám định. Trường hợp công trình có chất lượng không đảm bảo yêu cầu thiết kế, có nguy cơ mất an toàn chịu lực do nguyên nhân bất khả kháng thì chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm chi trả chi phí giám định.

Chương V

QUAN TRẮC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 22. Điều kiện của tổ chức hành nghề quan trắc công trình xây dựng

Tổ chức khi hành nghề quan trắc xây dựng phải đáp ứng điều kiện chung theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có ít nhất 02 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức quan trắc công trình xây dựng có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với đối tượng, nội dung quan trắc; có chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quan trắc công trình xây dựng.

2. Đã thực hiện quan trắc ít nhất 01 công trình cùng loại, cùng cấp hoặc 02 công trình cùng loại, cấp dưới liên kế phù hợp với đối tượng, nội dung thực hiện quan trắc.

Điều 23. Điều kiện của cá nhân hành nghề quan trắc công trình xây dựng

Cá nhân khi hành nghề quan trắc công trình xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với đối tượng, nội dung quan trắc.

2. Có chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quan trắc công trình theo quy định.

Điều 24. Quan trắc công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng

1. Quan trắc trong quá trình thi công xây dựng:

Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công xây dựng phải tổ chức thực hiện quan trắc công trình theo yêu cầu của thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn có liên quan. Đối với công trình nhà cao tầng, nhà có tầng hầm, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công xây phải tổ chức thực hiện quan trắc công trình liên kế, công trình lân cận có thể bị ảnh hưởng lún, biến dạng hoặc bị các hư hại khác do việc xây dựng công trình gây nên.

2. Quan trắc trong quá trình khai thác, sử dụng:

Chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình tổ chức quan trắc công trình theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng.

3. Các công trình có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường có khả năng gây sập đổ bắt buộc phải được quan trắc.

Điều 25. Trình tự thực hiện quan trắc công trình xây dựng

1. Tổ chức quan trắc lập đề cương quan trắc trình tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc xem xét phê duyệt trước khi thực hiện. Đề cương quan trắc phải quy định về phương pháp đo, các thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các dấu mốc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác.

2. Tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc lựa chọn tổ chức quan trắc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

3. Tổ chức quan trắc thực hiện theo đúng đề cương đã được chấp thuận. Tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc phải tổ chức kiểm tra việc thực hiện quan trắc.

4. Tổ chức quan trắc lập báo cáo kết quả quan trắc và trình tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc.

5. Tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc tổ chức đánh giá kết quả quan trắc.

Điều 26. Đánh giá kết quả quan trắc

1. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định về các vị trí quan trắc; thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (biến dạng nghiêng, lún, nứt, võng ...); thời gian quan trắc; số lượng chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác.

2. Trên cơ sở báo cáo kết quả quan trắc của mỗi chu kỳ đo, tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc phải yêu cầu nhà thầu thiết kế xây dựng hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực thiết kế phù hợp theo quy định của pháp luật đánh giá, so sánh các số liệu quan trắc với giá trị giới hạn do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định, tiêu chuẩn có liên quan. Trường hợp số liệu quan trắc có dấu hiệu bất thường thì tổ chức, cá nhân yêu cầu quan trắc phải có biện pháp xử lý kịp thời.

Chương VI

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ GIÁM SÁT THI CÔNG, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ QUAN TRẮC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 27. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

1. Cơ sở đào tạo thực hiện các quy định về tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ như sau:

a) Thông báo tuyển sinh, trong đó nêu rõ lĩnh vực bồi dưỡng, yêu cầu đối với học viên, chương trình và nội dung khoá bồi dưỡng, thời gian, địa điểm, kinh phí và các thông tin cần thiết khác;

b) Thông báo kế hoạch tổ chức (thời gian, địa điểm, thời lượng, giảng viên) về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng địa phương nơi tổ chức khoá học trước ngày khai giảng để theo dõi và kiểm tra khi cần thiết. Trường hợp có thay đổi kế hoạch thì cơ sở đào tạo phải thông báo kịp thời về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng;

c) Phổ biến nội quy, quy định của khoá học và cung cấp đầy đủ tài liệu của khoá học cho học viên trong ngày khai giảng;

d) Tổ chức giảng dạy và học tập theo chương trình đảm bảo về nội dung và thời lượng. Đảm bảo giảng viên lên lớp đúng như danh sách đã đăng ký. Tổ chức kiểm soát thời gian học của học viên;

đ) Tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá, xếp loại kết quả học tập để cấp chứng nhận cho học viên;

e) Lấy ý kiến đóng góp của học viên về khóa học;

g) Gửi Quyết định cấp chứng nhận và danh sách học viên được cấp chứng nhận, báo cáo việc thực hiện kế hoạch thay đổi (nếu có) về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng nơi tổ chức khoá học trong thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày kết thúc khoá học.

2. Các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng phải được tổ chức tập trung; đảm bảo đủ thời gian, nội dung theo quy định của chương trình khung. Khuyến khích cơ sở đào tạo mở rộng nội dung của từng chuyên đề và bổ sung thêm các chuyên đề nâng cao cho khoá học. Số lượng học viên không được quá 150 học viên cho 01 lớp học để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập.

3. Học viên không nhất thiết phải tham dự liên tục các chuyên đề trong cùng một khoá học mà có thể tham dự các chuyên đề của các khoá học khác nhau của cùng một cơ sở đào tạo. Thời gian bắt đầu đến kết thúc việc bồi dưỡng nghiệp vụ không quá 12 tháng.

Nếu đã có chứng nhận của các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ khác do Bộ Xây dựng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì học viên được miễn tham dự các chuyên đề đã học tại các chương trình bồi dưỡng nêu trên với điều kiện nội dung và thời lượng là tương đương so với quy định tại Thông tư này. Cơ sở đào tạo kiểm tra, lưu giữ bản sao chứng nhận của học viên và chịu trách nhiệm đối với quyết định cho phép học viên được miễn các chuyên đề này.

4. Đối với những khoá học ở vùng sâu, vùng xa, cơ sở đào tạo được quyền điều chỉnh nội dung các chuyên đề phù hợp với yêu cầu đặc thù về kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng của địa phương gửi Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng nơi tổ chức khoá học trước 7 ngày để kiểm tra. Việc điều chỉnh này vẫn phải đảm bảo số lượng chuyên đề và tổng thời lượng theo chương trình khung.

5. Mức thu học phí và việc quản lý, sử dụng học phí do cơ sở đào tạo quyết định trên cơ sở đảm bảo bù đắp được chi phí hợp lý của khoá học.

Điều 28. Hội đồng đánh giá kết quả học tập và xét cấp chứng nhận

Thủ trưởng các cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng để điều hành công tác tổ chức bồi dưỡng, đánh giá kết quả kiểm tra, xếp loại cuối khoá và xét cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng cho học viên.

Điều 29. Cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

1. Học viên tham gia khoá bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo lên lớp từ 80% thời gian của chương trình trở lên và có kết quả học tập được Hội đồng đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên mới được cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng. Cơ sở đào tạo phải có sổ theo dõi, quản lý việc cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng của đơn vị mình.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm in, quản lý chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng.

Điều 30. Cấp lại chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Người đã được cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có thể đề nghị cơ sở đào tạo cấp lại chứng nhận trong các trường hợp chứng nhận bị rách nát hoặc bị mất.

2. Người đề nghị phải làm đơn xin cấp lại chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có dán ảnh và xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc hội nghề nghiệp.

3. Cơ sở đào tạo đã cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu cho học viên căn cứ hồ sơ gốc để thực hiện cấp lại chứng nhận. Nội dung chứng nhận cấp lại được ghi đúng như bản cấp lần đầu. Cơ sở đào tạo chỉ thực hiện cấp lại chứng nhận một lần đối với một cá nhân và ghi rõ cấp lần thứ hai trên chứng nhận. Nếu xin cấp lần thứ ba, cá nhân phải tham gia khoá bồi dưỡng như trường hợp học lần đầu.

Điều 31. Lưu trữ hồ sơ

Cơ sở đào tạo có trách nhiệm lập hồ sơ lưu trữ sau mỗi khoá học ít nhất là 5 năm để phục vụ cho công tác kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc cấp lại giấy chứng nhận cho học viên, bao gồm:

1. Danh sách, hồ sơ nhập học của học viên, quyết định và danh sách học viên được cấp chứng nhận (họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, địa chỉ, nơi công tác) cho từng khoá học, kết quả điểm kiểm tra có xác nhận của cơ sở đào tạo;

2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy cho mỗi khóa học bao gồm: họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, địa chỉ, nơi công tác.

3. Sổ gốc ký nhận, quản lý cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng.

Điều 32. Quản lý và kiểm tra hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

1. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng, chỉ đạo và phối hợp với các Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định về bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các cơ sở đào tạo.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ động kiểm tra và phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng của các cơ sở đào tạo trên địa bàn. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản.

b) Kiến nghị xử lý vi phạm đối với các cơ sở đào tạo có trụ sở trên địa bàn và cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 33. Xử lý vi phạm đối với các cơ sở đào tạo

1. Các hình thức vi phạm của cơ sở đào tạo: cho thuê mượn tư cách pháp nhân; tổ chức bồi dưỡng không đúng lĩnh vực được công nhận; rút ngắn thời lượng của chương trình, không tổ chức cho học viên làm bài kiểm tra; giảng viên không đáp ứng yêu cầu quy định; không công khai các nội dung cần thiết cho học viên khi thông báo tuyển sinh; không có quy trình quản lý; không thành lập hội đồng đánh giá kết quả học tập; không báo cáo Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng trước khi tổ chức khoá học; không báo cáo định kỳ về Bộ Xây dựng theo quy định; không lưu trữ hồ sơ học viên sau khoá học; không gửi Quyết định cấp chứng nhận và danh sách học viên được cấp chứng nhận về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng; vi phạm các quy định khác của Thông tư này.

2. Xử lý vi phạm đối với cơ sở đào tạo: Tùy mức độ vi phạm mà cơ sở đào tạo có thể bị xử lý theo các hình thức: nhắc nhở, khắc phục hậu quả vi phạm, bồi thường thiệt hại, tạm đình chỉ, thu hồi có thời hạn hoặc vĩnh viễn quyết định công nhận cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng.

Người đứng đầu cơ sở đào tạo và cá nhân liên quan tùy mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền xử lý vi phạm:

a) Bộ Xây dựng có thẩm quyền:

- Quyết định yêu cầu khắc phục hậu quả vi phạm, tạm đình chỉ, thu hồi có thời hạn hoặc vĩnh viễn Quyết định công nhận cơ sở đào tạo; thông báo trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng về sai phạm của cơ sở đào tạo.

- Thu hồi Quyết định công nhận đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ nếu cơ sở đào tạo không tổ chức được các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng trong thời gian 24 tháng tính từ ngày quyết định công nhận.

b) Sở Xây dựng có thẩm quyền:

- Nhắc nhở bằng văn bản đối với các vi phạm của cơ sở đào tạo tại địa phương và thông báo về Bộ Xây dựng.

- Tuyên huỷ giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ của cá nhân tại địa phương nếu phát hiện sai phạm của cơ sở đào tạo trong việc cấp chứng nhận hoặc sai phạm của cá nhân trong hành nghề và báo cáo Bộ Xây dựng.

Điều 34. Chế độ báo cáo

1. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng, tự đánh giá và đề xuất góp ý cho hoạt động này (nếu có) gửi Bộ Xây dựng để phục vụ việc đánh giá chất lượng hàng năm.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về danh sách học viên được cấp chứng nhận gửi Bộ Xây dựng để theo dõi, tổng hợp.

Điều 35. Đăng tải thông tin về cơ sở đào tạo nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm đăng tải thông tin về các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng lên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

2. Các cơ sở đào tạo nghiệp vụ giám sát thi công, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng có trách nhiệm cung cấp danh sách và kết quả bồi dưỡng nghiệp vụ về Bộ Xây dựng để tổng hợp đăng tải lên trang thông tin điện tử làm cơ sở chứng chỉ hành nghề.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng

1. Bộ Xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng theo quy định của Thông tư này trong phạm vi cả nước;

b) Đình chỉ hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ở địa phương đình chỉ việc thực hiện giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng khi phát hiện thấy vi phạm trong hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng;

c) Công khai thông tin năng lực của cá nhân, tổ chức quan trắc công trình xây dựng trên phạm vi cả nước; công bố hình thức xử phạt trong hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng;

d) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng theo thẩm quyền quản lý;

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng là đầu mối giúp Bộ Xây dựng thực hiện các công việc trên.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng theo quy định của Thông tư này tại địa phương;

b) Đình chỉ việc thực hiện giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng khi phát hiện thấy vi phạm trong hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định và quan trắc công trình xây dựng;

c) Công bố hình thức xử phạt các cá nhân, tổ chức vi phạm quy định của Thông tư này trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng địa phương và gửi về Bộ Xây dựng để công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;

d) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng theo thẩm quyền quản lý;

đ) Báo cáo Bộ Xây dựng về tổ chức, hoạt động giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng ở địa phương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Sở Xây dựng là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các công việc trên.

Điều 37. Quy định về chuyển tiếp

Các công trình đang được thực hiện kiểm định, giám định xây dựng theo quy định của Thông tư 03/2011/TT-BXD ngày 06 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình

xây dựng vẫn tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2011/TT-BXD.

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015 và thay thế Thông tư số 03/2011/TT-BXD.

2. Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cá nhân, tổ chức tham gia giám sát thi công, kiểm định, giám định xây dựng và cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để được hướng dẫn, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính Phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Website của Chính phủ, Website BXD;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc BXD;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ KHCN, Cục HĐXD, Cục GD (15).

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Đình Dũng